

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 350/2023/DS-PT

Ngày: 28/6/2023

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Thanh Vân**;

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thành**- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà **Hà Thúy Thảo**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 và ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 217/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn D, sinh năm 1930; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn M, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số 634, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 19/6/2023)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Phước S, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1968

Người đại diện ủy quyền anh M: Nguyễn Văn D, sinh năm 1930

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị E, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1976

Đại diện giám hộ: Nguyễn Văn D, sinh năm 1930 (Theo Quyết định Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự số 12/2018/QĐDS-MNLHV ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Trần Thị B, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)

HKTT: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Võ Văn X, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

10. Võ Thanh L, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

11. Võ Thị Kim A, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

12. Cao Ngọc M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số 634, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 19/6/2023)

13. Nguyễn Cao Hoàng Thái B, sinh ngày 19/10/2007

14. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/9/2016

Đại diện giám hộ cháu B, cháu Đ: Nguyễn Văn M, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

15. Trần Thị Th, sinh năm 1940 (Chết ngày 28/01/2022)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thoi gồm: Chồng: Nguyễn Văn D; Các con: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị E, Nguyễn Văn T (do cụ Dự giám hộ).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo bản án sơ thẩm,**

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2019, đơn yêu cầu bổ sung ngày 28/5/2021, các tờ tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Ngọc M đồng thời là người giám hộ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Th (chết năm 2022) có các người con gồm Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1968 Nguyễn

Thị E, sinh năm 1967, Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, Nguyễn Phước S, sinh năm 1973, Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, Nguyễn Văn M, sinh năm 1984, sinh thời ông D thừa hưởng của ông bà thừa đất số 150, tờ bản đồ số 19, diện tích 6.578,3m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2005 cho ông D đại diện hộ gia đình đứng tên, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ gia đình có các thành viên gồm Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M.

Nay Ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án chia thừa đất số 150, diện tích 6.578,3m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2005 cho ông D đại diện hộ đứng tên, làm 6 phần, mỗi người trong hộ nhận 01 phần có diện tích 1.096,2m²; Yêu cầu chia phần đất có diện tích 1.096,2m² cho anh Nguyễn Văn M gắn liền căn nhà của anh M; Chia cho anh Nguyễn Ngọc M phần đất có diện tích 253,1m² gắn liền căn nhà anh M, toàn bộ diện tích còn lại 5.227,9m² của thửa đất số 150 chia cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T được nhận chung, theo bản đồ địa chính (trích đo) ngày 07/3/2022. Ông Nguyễn Văn D xin rút lại đối với yêu cầu chia cho bà Trần Thị Th.

- Theo tờ tự khai ngày 01/7/2019, bản tự khai ngày 21/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Thửa đất số 150, diện tích 6.578,3m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2005 do ông D đại diện hộ gia đình đứng tên, nguồn gốc thửa đất là do ông bà để lại cho gia đình anh, trên thửa đất vợ chồng anh có xây căn nhà và trồng cây trên đất, thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ gia đình anh gồm 6 thành viên như lời trình bày của ông D, anh thống nhất chia thửa đất ra thành 6 phần, mỗi phần có diện tích 1.096,2m².

Nay anh Nguyễn Văn M xin nhận phần đất tại vị trí có nhà và đất anh trồng kiểng giáp với phần sau căn nhà của anh M theo bản đồ địa chính (trích đo) ngày 13/5/2020, không đồng ý chia diện tích đất tại vị trí theo bản đồ địa chính (trích đo) ngày 07/3/2022 mà ông D yêu cầu.

- Theo đơn yêu cầu độc lập, tờ tự khai ngày 03/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày:

Thửa đất số 150, diện tích 6.578,3m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2005 do Ông Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên, do anh Nguyễn Văn M không đồng ý cho ông D tặng cho QSDĐ cho các con khác nên phát sinh tranh chấp, chị thông nhất lời trình bày và yêu cầu của ông D.

Nay yêu cầu chia thửa đất tranh chấp làm 6 phần, chia phần đất có diện tích 1.096,2m² cho anh Nguyễn Văn M gắn liền căn nhà của anh M theo bản đồ địa chính (trích đo); Chia cho anh Nguyễn Ngọc M phần đất có diện tích 253,1m² gắn liền căn nhà anh M, toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất số 150 chia cho

ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Phước S, anh Nguyễn Văn T được nhận chung, theo bản đồ địa chính (trích đo) ngày 07/3/2022.

- Theo đơn yêu cầu độc lập, tờ tự khai ngày 03/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước S trình bày:

Thửa đất số 150, diện tích 6.578,3m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2005 do Ông Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên, do anh Nguyễn Văn M không đồng ý cho ông D tặng cho QSDĐ cho các con khác nên phát sinh tranh chấp, anh thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông D.

Nay anh Nguyễn Phước S yêu cầu chia thửa đất tranh chấp làm 6 phần, chia phần đất có diện tích 1.096,2m² cho anh Nguyễn Văn M gắn liền căn nhà của anh M; Chia cho anh Nguyễn Ngọc M phần đất có diện tích 253,1m² gắn liền căn nhà anh M, toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất số 150 chia cho Ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Phước S, anh Nguyễn Văn T được nhận chung, theo bản đồ địa chính (trích đo) ngày 07/3/2022.

- Theo tờ tự khai ngày 17/02/2020 và các đơn xin vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Nguyễn Thị T, Võ Văn X, Võ Thị Kim A, Võ Thanh L trình bày: Ông Nguyễn Văn D cho chị Nguyễn Thị T cất nhà ở trên phần đất từ năm 1989, nay thống nhất yêu cầu của ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, không tranh chấp yêu cầu gì.

- Theo tờ tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 31/5/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị H, Trần Thị B trình bày: không tranh chấp yêu cầu gì.

- Theo bản tự khai ngày 02/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Ngọc M trình bày: Thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Văn M, không tranh chấp yêu cầu gì.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 217/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35 của bộ luật tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3, Điều 95, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn D và chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Ngọc M, anh Nguyễn Phước S, anh Nguyễn Văn T (anh T do ông Nguyễn Văn D là người giám hộ).

- Chia thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, diện tích 6.578,3m² (đo đạc thực tế 6577,2m²) tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp H00882 vào ngày 05/12/2005 do Ông Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên như sau:

1. Chia cho anh Nguyễn Văn M phần đất gắn liền căn nhà của anh M có tổng diện tích 1.096,2 m² (Ký hiệu S1, S3, S5), có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng bắc giáp đất anh Nguyễn Ngọc M được chia và đất ông Phan Văn X.

+ Hướng nam giáp đất còn lại thừa 19 ông Nguyễn Văn D đứng tên

+ Hướng đông giáp đất anh Nguyễn Ngọc M được chia và đường bê tông.

+ Hướng tây giáp đất còn lại thừa 19 ông Nguyễn Văn D đứng tên (Có sơ đồ kèm theo).

Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ di dời 18 cây kiềng có đường kính từ 10-20cm ra khỏi phần đất có diện tích 253,1m² (ký hiệu S2) chia cho anh Nguyễn Ngọc M.

2. Chia cho anh Nguyễn Ngọc M phần đất gắn liền căn nhà của anh M có tổng diện tích 253,1m² (ký hiệu S2), có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng bắc đất ông Phan Văn X

+ Hướng nam giáp đất anh Nguyễn Văn M được chia

+ Hướng đông giáp đường bê tông

+ Hướng tây giáp đất anh Nguyễn Văn M được chia. (Có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Phước S, anh Nguyễn Văn T (anh T do ông Nguyễn Văn D là người giám hộ) phần đất gắn liền căn nhà của ông D, chị Trinh có tổng diện tích 5.227,9m² (ký hiệu S4) trong đó có 300m² đất ở tại nông thôn, có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng bắc giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Văn M và đất ông Phan Văn X

+ Hướng nam giáp Võ Trọng N, Nguyễn Thị K, Trần Thị S, Nguyễn Hữu B.

+ Hướng đông giáp đường bê tông.

+ Hướng tây giáp đất Trần Văn T (Có sơ đồ kèm theo)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Ngọc M, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T (anh T do Ông Nguyễn Văn D là người giám hộ), anh Nguyễn Văn M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/10/2022 bị đơn Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chia cho anh Nguyễn Ngọc M QSDĐ có chiều ngang khoảng 12m giáp với đường bê tông và chiều dài khoảng 17m.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn M thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì Tòa sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và giải quyết không đúng nội dung tranh chấp, không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T đã chết vào tham gia tố tụng, thiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất không theo yêu cầu của anh M và không có xác nhận của văn phòng đăng ký đất đai theo quy định và chưa xem xét công sức đóng góp của anh M. Ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nhưng bị đơn Nguyễn Văn M kháng cáo. Việc anh M kháng cáo yêu cầu chia thêm phần diện tích đất anh Nguyễn Ngọc M được chia là không có căn cứ. Vì anh M được chia diện tích 1096.2m² còn anh M được chia diện tích 253.1m² nên không thể chia thêm diện tích đất của anh M cho anh M được. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M. Tuy nhiên, án sơ thẩm xác định vị trí đất phân chia không đúng sơ đồ đo đạc và diện tích chia cho ông D, anh Sang, bà Bé, anh T cũng không chính xác nên cần điều chỉnh lại. Nên đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS sửa một phần quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu, nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Nguyễn Văn M thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Ông Nguyễn Ngọc M ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn D làm đại diện, anh Nguyễn Văn M, chị Cao Ngọc M cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T làm đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T là người mất năng lực hành vi dân sự nên Ông Nguyễn Văn D là cha ruột làm người giám hộ theo Điều 136 Bộ luật Dân sự. Các đương sự Trần Thị B, Võ Văn X, Võ Thanh L, Võ Thị Kim A có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228, khoản 2 Điều 296 BLTTDS xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia tài sản chung là QSDĐ cấp cho hộ được tòa sơ thẩm xác định tranh chấp chia tài sản chung là đúng với tính chất của vụ án. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 2, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 điều 210, Điều 212, 218, 219 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 29, Điều 95, 99, 100, 131, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Th (chết năm 2022) là vợ chồng có 08 con tên Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M. Sinh thời ông D được thừa hưởng của ông bà thừa đất 150, tờ bản đồ số 19 diện tích 6578,3m² được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H00882 ngày 05/12/2005 cho ông đại diện hộ đứng tên tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào thời điểm được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì trong hộ có các thành viên Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M (bút lục 13). Do quá trình sử dụng đất không thỏa thuận được sự phân chia QSDĐ giữa các thành viên trong hộ với anh Nguyễn Văn M nên ông D khởi kiện yêu cầu chia diện tích đất trên cho 06 thành viên trong hộ như sau: Chia cho anh M diện tích 1096,3m² gắn liền với căn nhà của anh M đang ở. Chia cho anh Nguyễn Ngọc M diện tích 253,1m² gắn liền với căn nhà anh M đang ở. Phần đất còn lại chia cho ông D, chị Bé, anh Sang, anh T nhận chung theo sơ đồ địa chính trích đo ngày 07/3/2022.

Bị đơn Nguyễn Văn M thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông Nguyễn Văn D về việc chia tài sản chung là QSDĐ nhưng xin được nhận phần đất có căn nhà và trồng kiềng giáp phần sau nhà của anh M theo bản đồ địa chính trích đo 13/5/2020. Không đồng ý nhận diện tích đất theo bản đồ địa chính trích đo ngày 07/3/2022.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người có yêu cầu độc lập đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D không có yêu cầu nào khác.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D chia tài sản chung là QSDĐ cho ông D, anh M, anh Sang, anh T, chị Bé và anh M theo bản đồ địa chính khu đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 được ghi trong quyết định của bản án DSST số 217/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện C là có căn cứ đúng pháp luật nhưng anh M không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M nhận thấy: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều trình bày thống nhất với nhau là: Thừa đất số 150, tờ bản đồ số 19 diện tích 6578,3m² (nhưng theo kết quả đo đạc thực tế còn 6469,4m²) tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H00882 ngày 05/10/2005 cho Ông Nguyễn Văn D đại diện hộ đứng tên. Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận thì trong hộ ông D có các thành viên gồm Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị B, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Phước Phước Sang, Nguyễn Văn T và

Nguyễn Văn M tất cả nguyên đơn, bị đơn, người liên quan thống nhất phần đất trên là tài sản chung của hộ nên yêu cầu chia cho 06 thành viên trong hộ.

[5] Theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 thì tổng diện tích của thửa 150, tờ bản đồ số 19 chỉ có 6469,4m² nếu chia đều cho sáu thành viên thì mỗi người chỉ được 1078,23m². Nhưng tòa sơ thẩm đã chia cho anh M phần đất gắn liền với căn nhà anh đang ở diện tích 1096,2m² (nhiều hơn các thành viên khác 17,97m²). Chia cho anh Nguyễn Ngọc M phần đất liền với căn nhà anh M đang ở diện tích 253,1m². Phần diện tích còn lại gắn liền với đất nhà ông D đang ở thì ông D, chị Bé, anh Sang, anh T (do ông D giám hộ) thống nhất chia chung là 5120,1m². Xét thấy việc phân chia như quyết định sơ thẩm là đã có lợi cho anh M nhưng anh M kháng cáo yêu cầu chia thêm cho anh phần đất phía sau phần đất chia cho anh M có căn nhà anh M đang ở và yêu cầu tòa phúc thẩm cho thẩm định, đo đạc lại. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH đo đạc Đông Hải lập ngày 06/4/2023 thể hiện phần đất anh M yêu cầu chia thêm nằm phía sau nhà anh M lấn vào đất anh M được chia diện tích 32,9m² thì đất anh M chỉ còn lại 220,2m². Yêu cầu kháng cáo của anh M không được ông D, anh M đồng ý và Tòa án cũng không có cơ sở chấp nhận được. Bởi lẽ phần đất anh M được chia chỉ có 253,1m². Phía Đông là đường bê tông công cộng chiều ngang 11,88m, chiều dài đến phía Tây giáp với đất anh M 19,64m, nếu chia thêm cho anh M 2,62m lấn vào phần đất phía sau nhà của anh M theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do công ty TNHH đo đạc Đông Hải lập ngày 04/3/2023 thì chỉ còn lại 17,02m. Sau này nhà nước mở rộng đường bê tông công cộng phía trước nhà anh M theo tiêu chuẩn xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao thì đất anh M còn lại rất ngắn. Mặt khác theo yêu cầu của anh M tòa phúc thẩm đã đến phần đất tranh chấp thẩm định tại chỗ nhận thấy phần diện tích đất anh M được chia không đụng chạm gì tới căn nhà của anh M như anh trình bày. Do đó cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M.

Về phần thay đổi yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của anh M, chị Mỹ trình bày tại phiên tòa là hoàn toàn không có căn cứ nên cũng không được chấp nhận. Bởi lẽ, việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là yêu cầu chia tài sản chung về QSDĐ chứ không phải tranh chấp thừa kế. Cụ Trần Thị Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung là QSDĐ nhưng khi UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ D đại diện hộ đứng tên thì cụ T không có tên trong hộ. Khi cụ T chết thì chồng và các con của cụ T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T đều có mặt và tham gia tố tụng. Cụ D là chồng của cụ T rút lại yêu cầu chia cho cụ T một phần tài sản chung là phù hợp. Về bản đồ địa chính khu đất làm cơ sở Tòa án phân chia QSDĐ là văn bản do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 nên không cần phải xác nhận. Đối với toàn bộ diện tích đất anh M được phân chia thì do anh bồi đắp sử dụng xây nhà ở và trồng cây hưởng thụ, không nằm ngoài diện tích được phân chia cho những người khác nên không thể tính công sức của anh M được.

[6] Về chi phí tố tụng: Tại Tòa sơ thẩm ông D tạm nộp và tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết.

Về chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của anh M tại giai đoạn xét xử phúc thẩm thì anh M tự chịu theo Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự vì yêu cầu kháng cáo của anh không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Xét thấy các đương sự yêu cầu chia tài sản chung là QSDĐ được tòa sơ thẩm xử chấp nhận chia QSDĐ tính giá trị để buộc đương sự phải chịu án phí có giá ngạch là phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 của Quốc hội khóa 14.

[8] Tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng cần kiểm điểm rút kinh nghiệm một số hạn chế, thiếu sót trong bản án đó là: Trong phần quyết định của án sơ thẩm tuyên có nhiều sai sót không đúng theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

8.1/ Về phần đất do ông Nguyễn Văn D đại diện hộ đứng tên được phân chia là thửa 150, tờ bản đồ số 19. Theo giấy chứng nhận được cấp có diện tích 6578,3m² nhưng theo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 có diện tích 6469,4m² nhưng án sơ thẩm lại tuyên chia thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, diện tích 6578,3m² (đo đạc thực tế 6577,2m²) để chia là không chính xác.

8.2/ Trong bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 ghi số thứ tự các vị trí đất phân chia là (1)(2)(3)(4)(5) nhưng ở sơ thẩm tuyên ký hiệu S1 S2 S3 S4 S5.

8.3/ Về diện tích đất được phân chia cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T. Theo bản đồ địa chính khu đất thể hiện 5120,1m² nhưng án sơ thẩm tuyên diện tích 5227,9m².

8.4/ Khi khởi kiện cụ Nguyễn Văn D có yêu cầu chia tài sản chung cho cụ Trần Thị Th một phần nhưng sau khi cụ T chết thì cụ D đã rút lại yêu cầu chia cho cụ T, vì cụ T không có tên trong hộ. Thế nhưng khi xét xử Tòa sơ thẩm không quyết định đình chỉ yêu cầu trên là thiếu sót. Tại Tòa phúc thẩm cụ D vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu này nên cần bổ sung phần quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ D Theo Điều 244 BLTTDS quy định.

Những sai sót như trên tuy không ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự nhưng nếu không được chỉnh sửa, bổ sung sẽ rất khó thi hành án nên cấp phúc thẩm cần phải khắc phục sửa lại một phần quyết định sơ thẩm cho đầy đủ, chính xác đúng thực tế để thi hành án.

Xét phần nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp với quan điểm của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 284, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M và thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 217/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2 khoản 9 Điều 26, Điều 147, 148, Điều 227, 228, 244, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 210, Điều 212, 218, 219 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29, Điều 95, 99, 100, 131, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn D và các yêu cầu độc lập của Nguyễn Thị B, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn D làm giám hộ) về chia tài sản chung quyền sử dụng đất.

Xác định thửa đất số 150, tờ bản đồ số 19, diện tích 6578,3m² thực đo 6469,4m² do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H00882 ngày 05/10/2005 do Ông Nguyễn Văn D đại diện hộ đứng tên tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là QSDĐ chung của hộ gia đình được chia như sau:

- Chia cho anh Nguyễn Văn M phần đất theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 28/9/2022 tại vị trí số (1) (592,8m²) + số (3) (18,2m²) + số (5) (485,2m²) = 1096,2m².

Phần đất anh M được chia có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: Giáp đường bê tông + giáp đất anh M được chia (2).

+ Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của thửa 150 ông D đứng tên.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất còn lại của thửa 150 ông D đứng tên.

+ Hướng Bắc: Giáp đất anh M được chia (2) và đất Phan Văn X.

- Chia cho Nguyễn Ngọc M phần đất theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 28/9/2022 tại vị trí số (2) diện tích 253,1m².

Phần đất anh M được chia có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: Giáp đường bê tông.

+ Hướng Tây: giáp phần đất chia cho anh M tại vị trí (1).

+ Hướng Nam: Giáp phần đất chia cho anh M tại vị trí (1).

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất Phan Văn X.

- Chia cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị B, Nguyễn Phước S, Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn D là người giám hộ Nguyễn Văn T) cùng nhận chung phần đất còn lại của thửa 150, tờ bản đồ số 19 gắn liền với căn nhà tại vị trí số (4) diện tích 5120,1m².

Phần đất được chia theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 28/9/2022 có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: Giáp đường bê tông vào phần đất anh M.

+ Hướng Tây: Giáp đất Trần Văn T.

+ Hướng Nam: Giáp đất Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị K, Trần Thị S, Nguyễn Hữu Bá.

+ Hướng Bắc: Giáp đất Phan Văn X và Nguyễn Văn M tại vị trí (1)(3)(5).

Tất cả vị trí đất được chia theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C lập ngày 28/9/2022 kèm theo.

Ông Nguyễn Văn D đồng thời là người giám hộ cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước S, Nguyễn Thị B, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Văn M được quyền liên hệ với cơ quan quản lý đất đai ở địa phương làm thủ tục kê khai đăng ký cấp đất giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần diện tích được chia theo quy định của luật đất đai.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn D về chia một phần tài sản chung QSDĐ cho cụ Trần Thị Th.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn D tạm nộp và tự nguyện chịu.

Đối với chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ trong giai đoạn xét xử phúc thẩm anh Nguyễn Văn M đã nộp thì tự chịu.

4/ Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn M phải chịu 14.963.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 3.455.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Phước S phải chịu 14.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị B phải chịu 14.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T (do Ông Nguyễn Văn D làm giám hộ) phải chịu 14.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự huyện C cho:

+ Ông Nguyễn Văn D 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 16380 ngày 12/02/2019.

+ Anh Nguyễn Phước S 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 16657 ngày 03/5/2019.

+ Anh Nguyễn Ngọc M 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 16659 ngày 03/5/2019.

+ Chị Nguyễn Thị B 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 16658 ngày 03/5/2019.

+ Anh Nguyễn Văn M 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016727 ngày 07/10/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải